

Số: 305/BC-THĐK

Đông Kết, ngày 26 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO
Thực hiện thường niên năm 2025

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Tiểu học Đông Kết

Địa chỉ:

- Thôn Đông Kết - xã Đông Kết - huyện Khoái Châu - tỉnh Hưng Yên

- Điện thoại: 0975778103

- Website: <https://c1dongketkc.hungyen.edu.vn/>

Loại hình: Trường Tiểu học công lập.

Cơ quan quản lý trực tiếp: Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Khoái Châu.

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu

Sứ mệnh: Tạo dựng môi trường thân thiện, đoàn kết, chia sẻ cùng tiến bộ, năng động, sáng tạo, có trách nhiệm và chất lượng cao.

Tầm nhìn: Có uy tín giáo dục đối với cha mẹ học sinh, cộng đồng xã hội, học sinh được phát triển trong môi trường thân thiện, hiện đại

Hệ thống giá trị cơ bản: Đoàn kết, chia sẻ, nhân ái, trung thực; Kỷ cương, nề nếp, văn minh; Sáng tạo, chủ động, thích ứng; Hội nhập, khát vọng vươn lên.

Mục tiêu chung: Xây dựng thương hiệu nhà trường, có uy tín và ổn định về chất lượng giáo dục; từng bước phấn đấu theo mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Lịch sử hình thành: Đông Kết là xã nằm phía Tây của huyện Khoái Châu, giáp ranh các xã Tứ Dân, Tân Châu, Liên Khê, Đông Ninh và Bình Kiều. Xã có 5 thôn: Bắc Châu, Trung Châu, Đông Kết, Lạc Thủy và Hồng Thái. Tổng diện tích: 636,6 ha, với số dân 11450 người. Thu nhập bình quân đầu người 57 triệu/người/năm. Đảng có 412 thành viên. Đông Kết là xã hội truyền thống cách mạng, trong thời trang kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, Đảng bộ và nhân dân được nhà nước phong tặng danh hiệu “Xã anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân”.

Trường TH Đông Kết (tiền thân là PHCS cấp I và cấp II Đông Kết) được thành lập từ 1990, tách ra từ trường PTCS Đại Hưng năm 1990 có tên gọi là Trường PTCS cấp 1 xã Đông Kết. Trong những năm đầu mới tách, trường còn gặp nhiều khó khăn về cơ sở vật chất. Trong quá trình xây dựng và phát triển, nhà trường luôn nhận được sự quan tâm của các Đảng cung cấp, chính quyền địa phương, các ngành

thể thao và nhân dân, giúp các trường hoàn thành mục tiêu giáo dục. Nhà trường luôn đi đúng đường giáo dục của Đảng và Nhà nước, từng bước nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh, thân thiện. Trường Tiểu học Đông Kết có nhiều năm đạt danh hiệu: Tập thể lao động tiên tiến, được Sở GD&ĐT tặng Giấy khen.

Trường Tiểu học Đông Kết là trường công lập do UBND huyện Khoái Châu thành lập, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, đảm bảo kinh phí cho các nhiệm vụ chi thường xuyên, là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân, có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng; thực hiện chương trình GD tiểu học do Bộ GD&ĐT ban hành trên địa bàn xã Đông Kết.

- Xây dựng phát triển nhà trường các quy định của Bộ GD&ĐT và nhiệm vụ giáo dục phát triển của địa phương, Thực hiện kiểm định chất lượng GD. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

Người đại diện pháp luật: Phan Thị Đào Chúc vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Thôn Đông Kết, xã Đông Kết, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên

Số điện thoại: 0975778103 Gmail: phandao73@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

7.1. Quyết định thành lập trường

Trường Tiểu học Đông Kết được thành lập theo Quyết định của UBND huyện Khoái Châu

7.2. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

Quyết định số 2813/QĐ-UBND ngày 22/07/2024 của UBND huyện Khoái Châu Về việc kiện toàn thành viên Hội đồng trường Trường TH Đông Kết nhiệm kỳ 2021 – 2026. Danh sách Hội đồng trường:

STT	Họ tên	Chức vụ	Đơn vị công tác	Chức danh hội đồng
1	Bà Phan Thị Đào	H.trưởng	TH Đông Kết	CTHĐ
2	Ngô Trọng Tuệ	Phó Hiệu trưởng	TH Đông Kết	PCTHĐ
3	Đỗ Thị Thuý A	Giáo viên	TH Đông Kết	Thư ký
4	Ông Lê Đình Ánh	PCTUBND	UBND xã	Thành viên
5	Đỗ Kim Tuyền	Tổng phụ trách	TH Đông Kết	Thành viên
6	Lê Thị Hương	TBTTND	TH Đông Kết	Thành viên
7	Lê Thị Hiền	Bí thư đoàn	TH Đông Kết	Thành viên
8	Đỗ Thị Phương	Tổ trưởng tổ 1	TH Đông Kết	Thành viên
9	Nguyễn Thị Quế	Tổ trưởng tổ 2+3	TH Đông Kết	Thành viên

10	Nguyễn Thị Phương	Tổ trưởng tổ 4+5	TH Đông Kết	Thành viên
11	Đỗ Trọng Nghĩa	BĐD cha mẹ HS	TH Đông Kết	Thành viên

7.3. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng.

Quyết định số 1776/ QĐ-UBND ngày 29/5/2024 của UBND huyện Khoái Châu Về việc điều động, bổ nhiệm cán bộ quản lý trường học đối với bà Phan Thị Đào chức vụ Hiệu trưởng trường Tiểu học Đông Kết

7.4. Quy chế tổ chức và hoạt động

- Cơ chế hoạt động của Trường Tiểu học Đông Kết

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn:

Trường Tiểu học Đông Kết được thành lập theo Quyết định của UBND huyện Khoái Châu. Địa điểm trường có vị trí địa lý thuận lợi, giao thông thuận tiện, khung cảnh đẹp, có điều kiện để xây dựng trường trở thành một trường Tiểu học trọng điểm của địa bàn huyện Khoái Châu.

Trường Tiểu học Đông Kết là cơ sở giáo dục phổ thông (GDPT) của hệ thống GD quốc dân, cung cấp dịch vụ GD công lập, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Phòng GD&ĐT huyện Khoái Châu.

Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về GD, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục (KHGD) của nhà trường theo chương trình GDPT do Bộ GD&ĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh (HS), tổ chức và cá nhân trong các HĐGD.

- Tuyển sinh, tiếp nhận và quản lý HS theo quy định của Bộ GD&ĐT
- Thực hiện kế hoạch phổ cập GD trong phạm vi được phân công.
- Tổ chức cho GV, nhân viên (NV), HS tham gia các hoạt động xã hội.
- Quản lý GV, NV theo quy định của pháp luật.
- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục (HĐGD) theo quy định của pháp luật.
- Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất (CSVC), trang thiết bị theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng GD, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT.
- Thực hiện công khai về cam kết chất lượng GD, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở GD trong quản lý các HĐGD); bảo đảm việc tham gia của HS, gia đình và xã hội trong quản lý các HĐGD theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

- Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

- + 01 Hội đồng trường với 11 thành viên.
- + 01 Hiệu trưởng
- + 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.
- + Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).
- + Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 25 đảng viên.
- + Tổ chức Đoàn đội: có 15 lớp sao nhi đồng và 12 chi đội.
- + Ban đại diện CMHS.
- + Các tổ chuyên môn: 03 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng

7.5. Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường

ST T	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Thư điện tử
1	Phan Thị Đào	Hiệu trưởng	0975778103	phandao73@gmail.com

Địa chỉ nơi làm việc: Thôn Đông Kết, xã Đông Kết, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục

- Kế hoạch Chiến lược phát triển của nhà trường; quy chế dân chủ ở cơ sở

của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ.

II. ĐỘI NGŮ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo

STT	Nội dung	TS	Trình độ đào tạo			Hạng chức danh nghề nghiệp		
			T.S	ĐH	CD	IV	III	II
Tổng số GV, CBQL và NV		34	1	32	1		29	5
I	Cán bộ quản lý	1	1				1	1
1	Hiệu trưởng	1	1					1
2	P. Hiệu trưởng	1		1			1	
II	Giáo viên	30	0	29	1		26	4
1	GVVH	23	0	22	1		22	1
2	Tiếng Anh	2		2				2
3	Âm nhạc	1		1			1	
4	Mỹ Thuật	2		2			2	
5	Giáo dục Thể chất	1		1				1
6	Tin học và Công nghệ	1		1			1	
III	Nhân viên	2		2			2	
1	Nhân viên Kế toán	1		1			1	
2	Nhân viên Thư viện	1		1			1	

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đánh giá năm học 2024-2025

Đội ngũ	Số lượng	Xếp loại viên chức				Tự đánh giá Chuẩn nghề nghiệp				Giáo viên giỏi					
		Xuất sắc		Tốt		Tốt		Khá		Tỉnh		Huyện		Trường	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
CBQL	2	2	100	0	0	2	100	0	0	0	0	0	0	0	0
Giáo viên	31	5	16	25	81	17	55	14	45	0	0	8	26	21	68
Nhân viên	2	0	0	2	100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng	35	7	20	27	77	19	58	14	42	0	0	8	26	21	68

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng năm học 2024-2025

Hoàn thành bồi dưỡng thường xuyên: $32/32 = 100\%$; trong đó BGH: 02, GV: 30.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Diện tích khu đất xây dựng, điểm trường

Diện tích khuôn viên nhà trường: 8.316 m². Trường có một điểm trường, diện tích bình quân 8.316/958 HS đạt 6,8 m²/HS. Như vậy so với yêu cầu tối thiểu còn thiếu 3,2 m²/HS.

2. Các hạng mục công trình

STT	Các hạng mục công trình	Số lượng theo quy định mức 2	Diện tích Tiêu chuẩn mức độ 2	Số lượng công trình hiện có	Diện tích thực tế (m ²)	So với yêu cầu mức 2
1	Khối phòng hành chính quản trị					
1.1	Phòng Hiệu trưởng	1	Không quy định	1	38	Đảm bảo
1.2	Phòng Phó Hiệu trưởng	1	Không quy định	1	38	Đảm bảo
1.3	Văn phòng	1	Không quy định	1	50	Đảm bảo
1.4	Phòng của các tổ chức Đảng, đoàn thể	1	Không quy định	1	38	Đảm bảo
1.5	Phòng bảo vệ	1	Không quy định	1	20	Đảm bảo
1.6	Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên nam	2	Không quy định	2	20	Đảm bảo
1.7	Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên nữ	2	Không quy định	2	20	Đảm bảo
1.7	Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên	1	Không quy định	1	30	Đảm bảo
2	Khối phòng học tập					
2.1	Phòng học	27	1,35m ² /học sinh; 1,50m ² /học sinh nếu kết hợp nghỉ trưa	1	1,35m ² /học sinh	Thiếu diện tích so quy định
2.2	Phòng học bộ môn Âm nhạc	1	1,85m ² /học sinh	1	1,35m ² /học	Thiếu diện tích so quy

					sinh	định
2.3	Phòng học bộ môn Mỹ thuật	1	1,85m ² /học sinh	1	1,35m ² /học sinh	Thiếu diện tích so quy định
2.4	Phòng học bộ môn Khoa học - công nghệ	1	1,85m ² /học sinh	1	1,35m ² /học sinh	Thiếu diện tích so quy định
2.5	Phòng học bộ môn Tin học	2	1,50m ² /học sinh	1	1,35m ² /học sinh	Thiếu diện tích so quy định
2.6	Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	2	1,50m ² /học sinh	2	1,35m ² /học sinh	Thiếu diện tích so quy định
2.7	Phòng đa chức năng	2	1,50m ² /học sinh	0		Thiếu diện tích so quy định
3	Khối phòng hỗ trợ học tập					
3.1	Thư viện	1	0,60m ² /học sinh; phòng đọc 2,40m ² /chỗ	1	0,60m ² /học sinh; phòng đọc 2,40m ² /chỗ	Đảm bảo quy định
3.2	Phòng thiết bị giáo dục	1	48m ² /phòng	1		Đảm bảo quy định
3.3	Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập	1	24m ² /phòng	1	38	Đảm bảo quy định
3.4	Phòng Đội Thiếu niên	1	0,03m ² /học sinh	1	38	Đảm bảo quy định
3.5	Phòng truyền thống	1	48m ² /phòng	1	38	Đảm bảo quy định
4	Khối phụ trợ					
4.1	Phòng họp	1	1,20m ² /người	1	38	Đảm bảo quy định
4.2	Phòng Y tế trường học	1	24m ² /phòng	1	38	Đảm bảo quy định
4.3	Nhà kho	1	48m ² /kho	1	38	Chưa đảm bảo quy định

4.4	Khu để xe học sinh	1	0,90m ² /xe đạp	1	250	Đảm bảo quy định
4.5	Khu vệ sinh học sinh nam	2	0,06m ² /học sinh	2	50	Đảm bảo quy định
4.6	Khu vệ sinh học sinh nam	2	0,06m ² /học sinh	2	50	Đảm bảo quy định
4.7	Phòng nghỉ giáo viên	3	12m ² /phòng	0	0	Chưa đảm bảo quy định
4.8	Phòng giáo viên	1	4m ² /giáo viên	0	0	Chưa đảm bảo quy định
5	Khu sân chơi, thể dục thể thao					
5.1	Sân trường	1	1,50m ² /học sinh	1	2000	
5.2	Sân thể dục thể thao	1	0,35m ² /học sinh	1	1000	
5.3	Nhà đa năng	1	450m ² /nhà sàn tập 12x24m	0	0	Chưa đảm bảo quy định
6	Khối phục vụ sinh hoạt					
6.1	Nhà bếp	1	0,30m ² /học sinh	0	0	Chưa đảm bảo quy định
6.2	Kho bếp	1	10m ² /kho thực phẩm; 12m ² /kho lương thực	0	0	Chưa đảm bảo quy định
6.3	Nhà ăn	1	0,65m ² /chỗ	0	0	Chưa đảm bảo quy định
6.4	Nhà ở nội trú	1	4m ² /chỗ	0	0	Chưa đảm bảo quy định
6.5	Phòng quản lý học sinh	1	9m ² /phòng	0	0	Chưa đảm bảo quy định
6.6	Phòng sinh hoạt chung	1	0,20m ² /học sinh	0	0	Chưa đảm bảo quy định

3. Số lượng thiết bị dạy học hiện có theo quy định danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp tiểu học, đối chiếu với yêu cầu tối thiểu theo quy định

TT	Tên thiết bị	Số quy định	Số lượng hiện có	Thiếu so với yêu cầu	Ghi chú
----	--------------	-------------	------------------	----------------------	---------

1	Thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định các lớp				
1.1	Khối lớp 1		141	Chưa đủ	
1.2	Khối lớp 2		195	Chưa đủ	
1.3	Khối lớp 3		106	Chưa đủ	
1.4	Khối lớp 4		63	Chưa đủ	
1.5	Khối lớp 5		153	Chưa đủ	
2	Thiết bị dùng chung				
2.1	Máy tính để bàn cho CBQL, NV	3	3	Đảm bảo	
2.2	Máy tính để bàn cho dạy học	27	0	Thiếu	
2.3	Máy tính xách tay cho CBQL, NV	3	0	Thiếu	
2.4	Máy tính xách tay cho dạy học	3	3	Đảm bảo	
2.5	Máy quét (Scanner)	1	0	Chưa đủ	
2.6	Máy in (Printer)	4	1	Chưa đủ	
2.7	Máy chiếu (Projector)	30	24	Chưa đủ	
2.8	Bảng thông minh	2	2	Đảm bảo	
2.9	Tivi	27	0	Chưa đủ	
2.10	Loa trợ giảng	5	2	Chưa đủ	
2.11	Máy quay phim	1	0	Chưa đủ	
2.12	Phòng máy vi tính cho dạy học	30	10	Chưa đủ	
1.13	Phòng họp trực tuyến	1	0	Chưa đủ	
3	Thư viện				
3.1	Sách nghiệp vụ	1506	1506	Đảm bảo	
3.2	Sách tham khảo	4313	4313	Đảm bảo	
3.3	Sách thiếu nhi	1236	1236	Đảm bảo	
3.4	Tài liệu khác	452	452	Đảm bảo	

4. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong nhà trường đã được cơ quan thẩm quyền phê duyệt và danh mục, số lượng xuất bản phần tham khảo tối thiểu đã nhà trường lựa chọn, sử dụng.

4.1. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong nhà trường

4.1.1. Danh mục sách giáo khoa Lớp 1

TT	Tên sách	Tên tác giả	Bộ sách	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 1	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Ngân Hoa, Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Vũ Kim Bảng, Trịnh Cẩm Lan, Chu	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

		Thị Phương, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hảo Tâm.		
2	Toán 1	Trần Diên Hiền (Chủ biên), Nguyễn Đình Khuê, Đào Thái Lai, Nguyễn Thuý Vân.	Vì sự bình đẳng và dân chủ trong giáo dục	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Đạo đức 1	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Việt Hà, Ngô Vũ Thu Hằng, Nguyễn Thị Vân Hương, Trần Thị Tố Oanh.	Cánh Diều	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
4	Tự nhiên và Xã hội 1	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thấn (Chủ biên), Đào Thị Hồng, Phương Hà Lan, Hoàng Quý Tĩnh.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Giáo dục Thể chất 1	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Lê Anh Thơ (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Âm nhạc 1	Lê Anh Tuấn (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Đỗ Thanh Hiền.	Cánh Diều	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
7	Mĩ thuật 1	Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Thị Nhưng (đồng Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Trần Thị Hương Ly, Hà Thị Quỳnh Nga, Phạm Văn Thuận, Nguyễn Thị Tuệ Thư.	Vì sự bình đẳng và dân chủ trong giáo dục	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Hoạt động trải nghiệm 1	Đinh Thị Kim Thoa (Chủ biên), Bùi Ngọc Diệp, Vũ Phương Liên, Lại Thị Yến Ngọc, Trần Thị Quỳnh Trang.	Vì sự bình đẳng và dân chủ trong giáo dục	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Tiếng Anh 1	Hoàng Tăng Đức (Chủ biên), Nguyễn Mạnh Cường.	Macmillan Next Move	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

4.1.2. Danh mục sách giáo khoa Lớp 2

TT	Tên sách	Tên tác giả	Tên bộ sách	Nhà xuất bản
----	----------	-------------	-------------	--------------

1	Tiếng Việt 2	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Bùi Mạnh Hùng - Trần Thị Hiền Lương (đồng Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Lê Thị Lan, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Trần Kim Phượng, Lê Thị Lan Anh, Trịnh Cẩm Lan, Chu Thị Phượng, Đặng Thị Hảo Tâm.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Toán 2	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Đạo đức 2	Trần Văn Thắng (Tổng Chủ biên), Ngô Vũ Thu Hằng (Chủ biên), Nguyễn Thị Việt Hà, Vũ Thị Mai Hường.	Cánh Diều	Nhà xuất bản ĐHSP Thành phố HCM
4	Tự nhiên và Xã hội 2	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thán (Chủ biên), Đào Thị Hồng, Phương Hà Lan, Phạm Việt Quỳnh, Hoàng Quý Tinh.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Giáo dục Thể chất 2	Nguyễn Duy Quyết, Hồ Đắc Sơn (đồng Tổng Chủ biên), Lê Anh Thơ (Chủ biên), Nguyễn Thị Hà, Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Nguyễn Thành Trung, Nguyễn Duy Tuyền, Phạm Mai Vương.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Âm nhạc 2	Lê Anh Tuấn (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Tạ Hoàng Mai Anh, Nguyễn Thị Quỳnh Mai.	Cánh Diều	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố HCM
7	Mĩ thuật 2	Đoàn Thị Mỹ Hương - Đinh Gia Lê (đồng Tổng chủ biên), Phạm Duy Anh (Chủ biên), Trần Thị Biển, Bạch Ngọc Diệp, Trần Thị Thu Trang, Bùi Quang Tuấn.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Hoạt động trải nghiệm 2	Lưu Thu Thủy, Bùi Sỹ Tụng (đồng Tổng chủ biên); Nguyễn Thụy Anh, Nguyễn Thanh Bình (đồng Chủ biên); Vũ Thị Lan Anh; Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Lê Thị	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

		Luận, Trần Thị Tố Anh, Trần Thị Thu.		
9	Tiếng Anh 2	Hoàng Tăng Đức (Chủ biên)	Macmillan Next Move	Nhà xuất bản ĐHSP Thành phố HCM

4.1.3. Danh mục sách giáo khoa Lớp 3

TT	Tên sách	Tên tác giả	Bộ sách	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 3	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Trần Kim Phụng. Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Lê Hằng, Vũ Thị Lan, Đặng Thị Hảo Tâm.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Toán 3	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Đạo đức 3	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên), Đỗ Tất Thiên (Chủ biên), Nguyễn Chung Hải, Ngô Vũ Thu Hằng, Nguyễn Thanh Huân, Huỳnh Tông Quyền, Nguyễn Thị Hàn Thy.	Cánh Diều	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
4	Tự nhiên và Xã hội 3	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thán (Chủ biên), Phan Thanh Hà, Đào Thị Hồng, Nguyễn Hồng Liên, Nguyễn Thị Thanh Thủy.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Tin học 3	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Bá Tuấn, Hà Đặng Cao Tùng, Đặng Bích Việt.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Công nghệ 3	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Lê	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

		Xuân Quang, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Thịnh.		
7	Giáo dục Thể chất 3	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thu, Phạm Mai Vương.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Âm nhạc 3	Lê Anh Tuấn (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Tạ Hoàng Mai Anh, Nguyễn Thị Quỳnh Mai.	Cánh Diều	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố HCM
9	Mĩ thuật 3	Nguyễn Xuân Nghị (Tổng Chủ biên), Trần Thị Biên, Đoàn Thị Mỹ Hương (đồng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Bạch Ngọc Diệp, Trần Thị Thu Trang.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
10	Hoạt động trải nghiệm 3	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
11	Tiếng Anh 3	Hoàng Tăng Đức (Chủ biên), Nguyễn Thị Thu Hoài, Hoàng Thùy Hương.	Macmillan Next Move”	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

4.1.4. Danh mục sách giáo khoa Lớp 4

TT	Tên sách	Tên tác giả	Bộ sách	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 4	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan. Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phụng, Đặng Thị Hảo Tâm.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

2	Toán 4	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Đạo đức 4	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên), Đỗ Tất Thiên (Chủ biên), Nguyễn Chung Hải, Nguyễn Thị Diễm My, Huỳnh Tông Quyền, Nguyễn Thị Hàn Thy.	Cánh Diều	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
4	Lịch sử và Địa lí 4	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương, Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lí), Đặng Tiên Dung, Đoàn Thị Thanh Phương	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Khoa học 4	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Chi, Ngô Diệu Nga, Đào Thị Sen, Triệu Anh Trung.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Tin học 4	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Bá Tuấn, Hà Đặng Cao Tùng.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Công nghệ 4	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Đồng Huy Giới, Dương Giáng Thiên Hương, Bùi Thị Thu Hương, Nguyễn Bích Thảo.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Giáo dục Thể chất 4	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Âm nhạc 4	Lê Anh Tuấn (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Tạ Hoàng Mai Anh, Nguyễn Thị Quỳnh Mai.	Cánh diều	NXB Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh
10	Mĩ thuật 4	Đinh Gia Lê (Tổng chủ biên), Trần Thị Biền, Đoàn Thị Mỹ Hương(đồng Chủ	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

		biên). Phạm Duy Anh, Bạch Ngọc Diệp, Trần Thị Thu Trang.		
11	Hoạt động trải nghiệm 4	Lưu Thu Thủy(Tổng chủ biên) Nguyễn Thụy Anh(Chủ biên) Nguyễn Thị Thanh Bình, Trần Thị Tố Oanh.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
12	Tiếng Anh 4	Hoàng Tăng Đức(Chủ biên), Đặng Ngân Giang, Nguyễn Thị Thu Hoài.	Macmillan Next Move	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

4.1.5. Danh mục sách giáo khoa Lớp 5

TT	Tên sách	Tên tác giả	Bộ sách	Tổ chức, cá nhân ¹	Đơn vị liên kết ²
1	Tiếng Việt 5	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phụng.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
		Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Đặng Thị Hảo Tâm.			
2	Toán 5	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
3	Đạo đức 5	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên), Đỗ Tất Thiên (Chủ biên), Nguyễn Chung Hải, Nguyễn Thị Diễm My, Huỳnh Tông Quyền, Nguyễn Thị Hàn Thy.	Cánh diều	Công ty Vepic	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

4	Khoa học 5	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng Chủ biên), Hà Thị Lan Hương, Nguyễn Thị Hồng Liên, Ngô Diệu Nga, Nguyễn Thị Thanh Phúc, Đào Thị Sen	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
5	Lịch sử & Địa lý	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương; Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lý), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lý), Đặng Tiên Dung, Dương Thị Oanh.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
6	Âm nhạc 5	Lê Anh Tuấn (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Tạ Hoàng Mai Anh, Trương Thị Thùy Linh, Nguyễn Thị Quỳnh Mai.	Cánh diều	Công ty Vepic	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
7	Mĩ thuật 5	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Trần Thị Biển, Đoàn Thị Mỹ Hương (đồng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trần Thị Thu Trang.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
8	Tin học 5	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Hải Châu, Hà Đặng Cao Tùng.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
9	Công nghệ 5	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trịnh.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
10	Giáo dục thể chất 5	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng (Chủ biên),	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo	

		Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.		dục Việt Nam	
11	Tiếng Anh 5	Hoàng Tăng Đức (Chủ biên), Đỗ Thị Thúy Vân, Nguyễn Thị Xuân.	Macmillan Next Move	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh	
12	Hoạt động trải nghiệm 5	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tô Oanh.	Kết nối tri thức với cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	

4.2. Danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã nhà trường lựa chọn, sử dụng

TT	Tên sách tham khảo	Nhà xuất bản	Tác giả
1	Vở bài tập Tiếng Việt 1, tập 1	Giáo dục Việt Nam	Bùi Mạnh Hùng (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Vũ Thị Thanh Hương, Hoàng Minh Ngọc
2	Vở bài tập Tiếng Việt 1, tập 2	Giáo dục Việt Nam	Bùi Mạnh Hùng (Chủ biên), Vũ Kim Bảng, Trịnh Cẩm Lan, Chu Thị Phương, Trần Kim Phụng, Đặng Thị Hảo Tâm
3	Tập viết lớp 1, tập 1	Giáo dục Việt Nam	Bùi Mạnh Hùng, Phạm Kim Chung
4	Tập viết lớp 1, tập 2	Giáo dục Việt Nam	Bùi Mạnh Hùng, Phạm Kim Chung
5	Vở bài tập Toán , tập 1	Giáo dục Việt Nam	Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Bùi Bá Mạnh
6	Vở bài tập Toán 1, tập 2	Giáo dục Việt Nam	Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh
7	Vở Bài tập Mĩ thuật 1	Giáo dục Việt Nam	Đinh Gia Lê (Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trần Thị Biền

8	Vở bài tập Tiếng Việt 2, tập 1	Giáo dục Việt Nam	Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Nguyễn Ngọc Minh, Trần Kim Phụng
9	Vở bài tập Tiếng Việt 2, tập 2	Giáo dục Việt Nam	Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Trịnh Cẩm Lan, Chu Thị Phương, Đặng Thị Hào Tâm
10	Tập viết lớp 2 tập 1	Giáo dục Việt Nam	Bùi Mạnh Hùng, Phạm Kim Chung
	Tập viết lớp 2 tập 2	Giáo dục Việt Nam	Bùi Mạnh Hùng, Phạm Kim Chung
11	Vở bài tập Toán 2, tập 1	Giáo dục Việt Nam	Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh
12	Vở bài tập Toán 2, tập 2	Giáo dục Việt Nam	Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh
13	Vở Bài tập Mỹ thuật 2	Giáo dục Việt Nam	Đoàn Thị Mỹ Hương (Chủ biên)
14	Vở bài tập Tiếng Việt 3, tập 1	Giáo dục Việt Nam	Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên)
15	Vở bài tập Tiếng Việt 3, tập 2	Giáo dục Việt Nam	Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên)
16	Tập viết lớp 3, tập 1	Giáo dục Việt Nam	Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Phạm Kim Chung.
17	Tập viết lớp 3, tập 2	Giáo dục Việt Nam	Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Phạm Kim Chung.
18	Vở bài tập Toán 3, tập 1	Giáo dục Việt Nam	Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Vũ Văn Luân, Bùi Bá Mạnh.
19	Vở bài tập Toán 3, tập 2	Giáo dục Việt Nam	Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Bùi Bá Mạnh.
20	Vở Bài tập Mỹ thuật 3	Giáo dục Việt Nam	Nguyễn Xuân Nghị (Chủ biên)
21	Vở bài tập Tiếng Việt 4, tập 1	Giáo dục Việt Nam	Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên)
22	Vở bài tập Tiếng Việt 4, tập 2	Giáo dục Việt Nam	Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên)
23	Vở bài tập Toán 4, tập 1	Giáo dục Việt Nam	Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Vũ Văn Luân, Bùi Bá Mạnh.

24	Vở bài tập Toán 4, tập 2	Việt Nam	Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Vũ Văn Luân, Bùi Bá Mạnh.
25	Vở Bài tập Mỹ thuật 4	Giáo dục Việt Nam	Đinh Gia Lê (Chủ biên)
26	Vở bài tập Tiếng Việt 5, tập 1	Giáo dục Việt Nam	Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên)
27	Vở bài tập Tiếng Việt 5, tập 2	Giáo dục Việt Nam	Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên)
28	Vở bài tập Toán 5, tập 1	Giáo dục Việt Nam	Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Vũ Văn Luân, Bùi Bá Mạnh.
29	Vở bài tập Toán 5, tập 2	Giáo dục Việt Nam	Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hường, Vũ Văn Luân, Bùi Bá Mạnh.
30	Vở Bài tập Mỹ thuật 5	Giáo dục Việt Nam	Đinh Gia Lê (Chủ biên)

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá

- Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch tự đánh giá và tự đánh giá chất lượng đạt: Cấp độ 3.

- Có kế hoạch cải tiến chất lượng hàng năm.

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của nhà trường.

- Năm học 2021-2022: Nhà trường đánh giá ngoài theo Quyết định số của Sở GD&ĐT Hưng Yên.

- Kết quả:

+ Kiểm định chất lượng: Đạt cấp độ 3

+ Đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2

3. Thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp

Nhà trường rà soát, nghiên cứu chương trình, SGK tổ chức dạy tích hợp, lồng ghép GDKP, GDQPAN, GDSTEM, GD CDS,...

- Tên chương trình, quốc gia cung cấp chương trình, thông tin chi tiết về đối tác thực hiện liên kết giáo dục để dạy chương trình giáo dục tích hợp:

Không

- Tên cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục công nhận về chất

lượng giáo dục: Sở Giáo dục Hưng Yên

- Ngôn ngữ thực hiện các hoạt động giáo dục: Tiếng Việt.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học 2024-2025

1.1. Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
1.	Kết quả tuyển sinh năm học 2024-2025	169	169	0	0	0	0
2.	Số học sinh	958	172	189	179	202	212
3.	Số lớp	27	5	5	5	6	6
4.	Sĩ số bình quân	35,5	34,4	37,8	35,8	33,7	35,3
5.	Số học sinh học 2 buổi/ngày	0	0	0	0	0	0
6.	Số học sinh dân tộc	5	1	2	0	2	0
7.	Số học sinh khuyết tật	9	2	3	3	0	1
8.	Số học sinh thuộc diện chính sách	14	4	1	2	5	2
9.	Số học sinh chuyển đi	5	1	2	1	1	0
10.	Số học sinh chuyển đến	7	1	0	1	0	5

1.2. Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp:

a) Kết quả các môn học và hoạt động giáo dục

Môn học	Sĩ số	Đánh giá định kỳ cuối năm					
		HTT		HT		Chưa HT	
		SL	%	SL	%	SL	%
Tiếng Việt	958	520	54.3	432	45.0	6	0.7
Toán	958	556	58.0	396	41.3	6	0.7
Đạo đức	958	595	62.0	363	37.0	0	0.0

Tự nhiên xã hội	540	326	60.4	214	39.6	0	0.0
Khoa học	418	253	60.5	165	39.5	0	0.0
Sử + Địa lý	418	256	61.2	162	38.8	0	0.0
Âm nhạc	958	558	58.2	400	41.8	0	0.0
Mĩ Thuật	958	601	62.7	357	37.3	0	0.0
Hoạt động trải nghiệm	958	562	58.9	396	41.1	0	0.0
Giáo dục thể chất	958	613	64.0	345	36.0	0	0.0
Công nghệ	597	392	65.7	205	34.3	0	0.0
Tin học	597	330	55.3	267	33.7	0	0.0
Tiếng Anh	958	640	66.8	317	33.1	1	0.1

b) Kết quả về năng lực chung

Năng lực	Tổng số HS	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	%	SL	%	SL	%
Tự chủ và tự học	958	575	60	379	39.6	4	0.4
Giao tiếp và hợp tác	958	576	60.1	379	39.6	3	0.3
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	958	527	55	428	44.7	3	0.3

c) Kết quả về năng lực đặc thù

Năng lực	Tổng số HS	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	%	SL	%	SL	%
Ngôn ngữ	958	522	54.5	431	45	5	0.5
Tính toán	958	548	57.2	405	42.3	5	0.5
Tin học	597	329	55.1	268	44.9	0	0
Công nghệ	597	377	63.1	220	36.9	0	0
Khoa học	958	560	58.5	398	41.5	0	0
Thẩm mĩ	958	603	62.9	355	37.1	0	0
Thể chất	958	599	62.5	359	37.5	0	0

d) Kết quả về phẩm chất

Phẩm chất	Tổng số HS	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
		SL	%	SL	%	SL	%
Yêu nước	958	780	405.3	178	94.7	0	0
Nhân ái	958	754	392.4	204	107.6	0	0
Chăm chỉ	958	591	309.9	367	190.1	0	0

Trung thực	958	675	352.8	283	147.2	0	0
Trách nhiệm	958	605	316.7	353	183.3	0	0

đ) Kết quả giáo dục

Khối	Tổng số HS	Hoàn thành xuất sắc		Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	172	54	31.4	36	20.8	77	44.9	5	2.9
2	189	59	31.2	36	19.0	93	49.3	1	0.5
3	179	62	34.6	37	20.7	80	44.7		
4	202	58	28.7	47	23.3	97	48.0		
5	216	68	31.5	34	15.7	114	52.8		
Tổng	958	301	31.4	190	19.8	461	48.2	6	0.6

e) Số học sinh được lên lớp, không được lên lớp

Khối	Tổng số HS	Hoàn thành chương trình		Chưa HTCT		Lên lớp		Ở lại	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	172	167	97,1	5	0,9	167	97,1	5	0,9
2	189	188	99,5	1	0,5	188	99,5	1	0,5
3	179	179	100	0	0	179	100	0	0
4	202	202	100	0	0	202	100	0	0
5	216	216	100	0	0	216	100	0	0
Tổng	958	952	99,4	6	0,6	952	99,4	6	0,6

g) Số học sinh được khen thưởng

Khối	Tổng số HS	Học sinh xuất sắc		Học sinh Tiêu biểu		Khen cấp trên		Thư khen	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	172	54	31.4	36	20.8	23	13	82	47
2	189	59	31.2	36	19.0	21	11	83	44
3	179	62	34.6	37	20.7	23	13	79	44
4	202	58	28.7	47	23.3	18	9	97	48
5	216	68	31.5	34	15.7	23	11	104	48
Tổng	958	301	31.4	190	19.8	108	11	445	46

1.3. Số học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học; số học

sinh trúng tuyển vào Trường THCS Nguyễn Thiện Thuật

- Tổng số học sinh hoàn thành chương trình tiểu học: 212/212 học sinh, đạt tỷ lệ 100%

- Số học sinh tham dự bài kiểm tra năng lực và được tuyển vào Trường THCS Nguyễn Thiện Thuật: 10 học sinh.

2. Chương trình giáo dục hợp tác giảng dạy trong giáo dục và hoạt động giáo dục sau giờ chính khoá năm học 2024-2025

TT	Nội dung	Công ty phối hợp	Thời lượng phối hợp trong tuần	Số tuần	Số học sinh tham gia học	Tỷ lệ %
1	Môn Tiếng Anh tự chọn lớp 1	Công ty Cổ phần Giáo dục và Đào tạo Victoria	2 tiết/tuần	35	172	100
2	Môn Tiếng Anh tự chọn lớp 2	Công ty Cổ phần Giáo dục và Đào tạo Victoria	2 tiết/tuần	35	189	100
3	Hoạt động Giáo dục STEM sau giờ chính khoá lớp 1	Chi nhánh Hưng Yên - Công ty Cổ phần Đầu tư Giáo dục VINA-STEM	2 tiết/tuần	35	172	100
4	Hoạt động Giáo dục STEM sau giờ chính khoá khối 2	Chi nhánh Hưng Yên - Công ty Cổ phần Đầu tư Giáo dục VINA-STEM	2 tiết/tuần	35	189	100
5	Hoạt động Giáo dục STEM sau giờ chính khoá lớp 3	Chi nhánh Hưng Yên - Công ty Cổ phần Đầu tư Giáo dục VINA-STEM	2 tiết/tuần	35	179	100
6	Hoạt động Giáo dục STEM sau giờ chính khoá lớp 4	Chi nhánh Hưng Yên - Công ty Cổ phần Đầu tư Giáo dục VINA-STEM	2 tiết/tuần	35	189	94
7	Hoạt động Giáo dục STEM sau giờ chính khoá lớp 5	Chi nhánh Hưng Yên - Công ty Cổ phần Đầu tư Giáo dục VINA-STEM	2 tiết/tuần	35	209	99
8	Chương trình Tiếng Anh-Toán sau giờ học lớp 4	Chi nhánh Công ty Cổ phần Giáo và du học quốc tế Việt Úc tại Hưng Yên	1 tiết/tuần	35	190	94
9	Chương trình Tiếng Anh-Toán sau giờ học lớp 5	Chi nhánh Công ty Cổ phần Giáo và du học quốc tế Việt Úc tại Hưng Yên	1 tiết/tuần	35	204	96

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Kết quả thực hiện tài chính

1.1. Kết quả thực hiện tài chính ngân sách nhà nước năm 2024 và các khoản đóng góp học sinh năm học 2024-2025

ĐVT: VN đồng

TT	Loại quỹ	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
I. Nguồn ngân sách cấp năm 2024			8.673.386.093	
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	- Số dư cuối năm 2023 mang sang	0	
		* Số được cấp năm 2024. Trong đó:	7.129.271.522	
		- Số Dự toán cấp đầu năm	6.604.212.036	
		- Số Dự toán cấp bổ sung trong năm	525.059.486	
		* Số chi năm 2024. Trong đó:	7.116.771.522	
		- Chi trả lương, phụ cấp và các khoản đóng góp	5.560.327.500	
		- Tiền thưởng	19.040.000	
		- Thanh toán dịch vụ công cộng (Tiền điện, tiền nước, vệ sinh môi trường)	53.440.515	
		- Vật tư văn phòng (VPP, mua sắm công cụ, dụng cụ VP, khoán VPP, vật tư VP khác)	36.723.005	
		- Thông tin tuyên truyền liên lạc (Cước điện thoại, cước internet, sách báo, tạp chí)	7.776.427	
		- Công tác phí	47.510.000	
		- Chi phí thuê mướn (Thuê lao động trong nước, chi phí thuê mướn khác)	414.095.195	
		- Sửa chữa, duy tu TS phục vụ công tác CM (Nhà cửa, các TBCN thông tin, TS và thiết bị VP, đường điện, cấp thoát nước, các TS khác)	593.767.800	
		- Chi phí NVCM của từng ngành (Mua hàng hóa, vật tư, đồng phục, trang phục, chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành, chi khác)	251.543.880	
		- Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn (Tài sản và thiết bị văn phòng)	50.340.000	
		- Chi khác (Chi các khoản phí và lệ phí, chi các khoản khác)	82.207.200	
		- Kinh phí tiết kiệm 5%	12.500.000	
		- Số dư cuối năm 2024	0	
2	Kinh phí	- Số dư cuối năm 2023 mang sang	0	

	nhiệm vụ không thường xuyên	* Số được cấp năm 2024. Trong đó:	1.369.810.779	
		- Số Dự toán cấp đầu năm	479.000.000	
		- Số Dự toán cấp bổ sung sửa chữa CSVC	200.000.000	
		- Số Dự toán cấp bổ sung chế độ cho GV	690.810.779	
		* Số chi năm 2024. Trong đó:	1.367.239.779	
		- Sửa chữa khu lớp học	447.435.000	
		- Trả tiền mua PM Thư viện số và Chữ ký số	29.000.000	
		- Mua sắm tài sản và thiết bị chuyên dùng	145.274.000	
		- Mua hàng hoá, vật tư	54.720.000	
		- Trả tiền chế độ tinh giảm biên chế	474.810.779	
		- Trả tiền chế độ theo NQ 385/2023/NQ-HĐND	216.000.000	
		- Số dư cuối năm 2024	2.571.000	
3	Quỹ khen thưởng năm 2024	* Số được cấp năm 2024.	174,303,792	
		* Số chi tiền thưởng năm 2024.	174,303,792	
		- Số dư cuối năm 2024	0	
II. Các khoản thu chi từ CMHS năm học 2024-2025				
1	Tiền điện	- Số dư cuối năm học 2023-2024 mang sang	655.347	
		- Số thu năm học 2024-2025	0	
		- Số chi năm học 2024-2025. Trong đó:	655.347	
		+ Trả tiền mua bóng điện cho các lớp	655.347	
		- Số dư cuối năm học 2024-2025	0	
2	Tiền thuê vệ sinh lớp học	- Số dư cuối năm học 2023-2024 mang sang	455.500	
		- Số thu năm học 2024-2025	85.950.000	
		- Số chi năm học 2024-2025. Trong đó:	86.405.500	
		+ Trả tiền thuê vệ sinh lớp học 9 tháng	65.700.000	
		+ Trả tiền mua dụng cụ vệ sinh, nước tẩy rửa vệ sinh	18.127.000	
		+ Trả tiền 3% cho công tác quản lý thu, chi	2.578.500	
		- Số dư năm học 2024-2025	0	
3	Tiền mua nước uống cho học sinh	- Số dư cuối năm học 2023-2024 mang sang	216.700	
		- Số thu năm học 2024-2025	51.570.000	
		- Số chi năm học 2024-2025. Trong đó:	51.786.700	
		+ Trả tiền mua nước uống cho học sinh	47.539.700	
		+ Trả tiền nhận và cấp nước uống cho HS 9 tháng	2.700.000	

		+ Trả tiền 3% cho công tác quản lý thu, chi	1.547.000	
		- Số dư năm học 2024-2025	0	
4	Tiền trông xe	- Số dư cuối năm học 2023-2024 mang sang	98.600	
		- Số thu năm học 2024-2025	20.304.000	
		- Số chi năm học 2024-2025. Trong đó:	<u>20.402.600</u>	
		+ Trả tiền công trông xe cho bảo vệ 9 tháng	13.500.000	
		+ Trả tiền sửa chữa lán xe	6.293.600	
		+ Trả tiền 3% cho công tác quản lý thu, chi	609.000	
		- Số dư cuối năm học 2024-2025	0	
5	Quỹ Chữ thập đỏ	- Số dư cuối năm học 2023-2024 mang sang	7.576.500	
		- Số thu năm học 2024-2025	11.200.000	
		- Số chi năm học 2024-2025. Trong đó:	<u>18.072.000</u>	
		+ Nộp tiền 30% hội phí về Hội CTĐ huyện	3.360.000	
		+ Hỗ trợ HS có hoàn cảnh khó khăn	12.012.000	
		+ Bồi dưỡng GV, NV đi hiến máu tình nguyện	2.700.000	
		- Số dư cuối năm học 2024-2025	695.500	
6	Quỹ Đội	- Số dư cuối năm học 2023-2024 mang sang	0	
		- Số thu năm học 2024-2025	5.607.000	
		- Số chi năm học 2024-2025. Trong đó:	<u>5.607.000</u>	
		+ Nộp tiền % về Hội đồng Đội cấp huyện	0	
		+ Chi hoạt động Liên đội	5.607.000	
		- Số dư cuối năm học 2024-2025	0	
7	BHYT (CSSKBD)	- Số dư cuối năm học 2023-2024 mang sang	30.524.770	
		- Số thu năm học 2024-2025	107.360.765	
		- Số chi năm học 2024-2025. Trong đó:	<u>135.067.945</u>	
		+ Chuyển trả tiền phun thuốc diệt muỗi	29.750.000	
		+ Trả tiền thù lao công tác thu tiền	10.800.665	
		+ Rút trả tiền thoái thu BHYT năm 2023 cho HS	94.517.280	
		- Số dư cuối năm học 2024-2025	2.817.590	
8	Tiền học Tiếng Anh Victoria khối 1, 2	- Số dư cuối năm học 2023-2024 mang sang	0	
		- Số thu năm học 2024-2025	197.470.000	
		- Số chi năm học 2024-2025. Trong đó:	197.470.000	
		+ Chuyển nộp trả Công ty	197.470.000	
		- Số dư năm học 2024-2025	0	
9	Tiền học Chương	- Số dư cuối năm học 2023-2024 mang sang	0	
		- Số thu năm học 2024-2025	589.760.000	
		- Số chi năm học 2024-2025. Trong đó:	589.760.000	

	trình giáo dục STEM	+ Chuyển nộp trả Công ty	589.760.000	
		- Số dư cuối kỳ I năm học 2024-2025	0	
9	Tiền học chương trình Tiếng Anh-Toán khối 4, 5	- Số dư cuối năm học 2023-2024 mang sang	0	
		- Số thu năm học 2024-2025	311.600.000	
		- Số chi năm học 2024-2025. Trong đó:	311.600.000	
		+ Chuyển nộp trả Công ty	311.600.000	
		- Số dư cuối kỳ I năm học 2024-2025	0	
10	Tiền thu BHYT học sinh năm 2025	- Số thu năm học 2024-2025. Trong đó:	474.734.520	
		+ Khối 1:	98.181.720	
		+ Khối 2; 3; 4; 5	376.552.800	
		- Số chi năm học 2024-2025		
		+ Tổng số thu được đã nộp về cơ quan BHXH huyện Khoái Châu	474.734.520	
		- Số dư cuối năm học 2024-2025	0	

1.2. Kết quả thực hiện dự toán thu – chi ngân sách 6 tháng năm 2025 (Tính đến hết 30.6.2025)

STT	Nội dung	Dự toán chi năm 2025	Dự toán thực hiện 6 tháng đầu năm 2025	Dự toán thực hiện 6 tháng Cuối năm 2025	Dự toán thực hiện (6 tháng đầu năm nay) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	Tổng số thu, chi, nguồn dịch vụ	9.815.948.039	5.480.523.680	4.335.424.359	55,8
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	9.815.948.039	5.480.523.680	4.335.424.359	55,8
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	8.547.340.455	4.560.523.680	3.986.816.775	53,3
1.1	Tiền lương	3.715.545.600	2.059.162.972	1.656.382.992	55
1.2	Lương hợp đồng theo chế độ	0	0	0	0
1.3	Phụ cấp lương	2.134.276.522	1.315.208.581	819.067.941	61
1.4	Các khoản đóng góp	1.040.431.975	565.246.183	475.185.792	54

1.5	Tiền thưởng	30.614.000	30.614.000	0	100
1.6	Phúc lợi tập thể	0	0	0	
1.7	Thanh toán dịch vụ công cộng	62.644.020	33.057.716	29.586.304	53
1.8	Vật tư văn phòng	41.000.000	4.740.000	36.260.000	100
1.9	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc, sách, báo, tạp chí thư viện	229.864.768	153.243.178	76.621.590	67
1.10	Công tác phí	49.000.000	6.000.000	43.000.000	12
1.11	Chi phí thuê mướn	440.000.000	191.467.350	248.532.650	44
1.12	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên	110.000.000	49.372.400	60.627.600	49
1.13	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	200.000.000	35.167.000	164.833.000	18
1.14	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	149.248.300	23.792.000	125.456.300	15
1.15	Chi khác	344.715.270	93.452.300	251.262.970	27
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	920.000.0000	920.000.000	0	100
3	Quỹ tiền thưởng	348.607.584	0	348.607.584	0

2. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học

Đảm bảo HS thuộc hộ nghèo. HS khuyết tật được hưởng chính sách hỗ trợ theo đúng quy định. Không có học phí.

Trong năm học 2024-2025, đã thực hiện chi trả 2 học sinh được hỗ trợ chi phí học tập (em Nguyễn Khánh Quỳnh – 1E và em Đỗ Tất Nhân -2B) với tổng tiền 2.700.000 đồng/2em/9 tháng.

3. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có): Không có.

4. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở

- Công khai dự toán ngân sách nhà nước cấp.
- Công khai quyết toán tài chính hằng quý, hằng năm.
- Công khai các khoản thu theo phê duyệt của PGD.

- Công khai Quy chế chỉ tiêu nội bộ.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Kết quả cán bộ, giáo viên, nhân viên

STT	Nội dung	Kết quả đạt được Năm học 2024-2025
1	Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên	35
2	Tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ	1
3	Danh hiệu CSTĐ cơ sở	3
4	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND huyện	2
5	Danh hiệu LĐTĐ	34/25, đạt tỷ lệ 97%
6	Giáo viên giỏi cấp trường	21/31, đạt tỷ lệ 67%
7	Giáo viên giỏi cấp huyện	8/31, đạt tỷ lệ 25%
8	Giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp trường	15/27, đạt tỷ lệ 55%
9	Sáng kiến cấp trường	21/35, đạt tỷ lệ 60%
10	Sáng kiến cấp huyện	14/35, đạt tỷ lệ 40%

2. Kết quả học sinh tham gia các cuộc thi năm học 2024-2025

- Tham gia cuộc thi Violympic các môn học. Kết quả:

+ Vòng cấp tỉnh: Môn Toán: 01 giải Vàng; 03 giải Bạc; 05 giải Đồng; 15 giải Khuyến khích. Môn Tiếng Việt: 01 giải Vàng; 01 giải Bạc; 01 giải Đồng; 29 giải Khuyến khích. Môn Toán -Tiếng Anh: 02 giải Đồng.

+ Vòng thi cấp Quốc gia: Môn Tiếng Việt đạt 01 giải Bạc, 01 Giải Khuyến khích. Môn Toán đạt 02 giải Bạc và 01 giải Đồng.

- Tham gia cuộc thi “Đấu trường Vioedu” có 119 học sinh tham gia vòng thi cấp huyện, có 35 em học sinh lọt top tham gia vòng cấp tỉnh, kết quả có 22 học sinh đạt giải (04 Giải Vàng; 02 Giải Bạc; 05 Giải Đồng và 11 Giải Khuyến khích).

- Có 38 học sinh tích cực tham gia Trạng nguyên Tiếng Việt trên Internet tỉnh. Kết quả có 3 giải Nhất, 10 giải Nhì, 11 giải Ba, 11 giải Khuyến khích.

- Có 68 học sinh tham dự thi IOE cấp tỉnh. Kết quả 1 giải Nhất, 3 giải Ba và 03 giải Khuyến khích.

- Học sinh tích cực tham gia giao lưu IOV (Internet Olympiads of Victoria) cấp huyện, kết quả: 4 học sinh đạt giải Xuất sắc, 4 giải Nhất, 23 giải Nhì, 23 giải Ba và có 8 học sinh tham gia giải cấp tỉnh đều đạt giải Ba.

- Có 68 học sinh tham dự thi IOE cấp tỉnh. Kết quả 1 giải Nhất, 3 giải Ba và 03 giải Khuyến khích.

- Có 01 học sinh đạt giải Ba Tin học trẻ cấp huyện và 01 học sinh đạt giải Ba cuộc thi vẽ tranh với chủ đề “Phòng chống bạo lực học đường”.

- Đạt top 10 trường tham gia thi tích cực và chất lượng cuộc “ Bé giỏi, tiền hay” của công ty Prudential tổ chức.

3. Các hoạt động giáo dục khác

Tổ chức thành công “Trung thu chia sẻ yêu thương” và quyên góp được **23.719.000 đồng**, nhà trường đã chuyển vào BCH Công đoàn Giáo dục Việt Nam để kịp thời gửi đến các khu vực bị ảnh hưởng do bão Yagi gây ra.

Tổ chức “ Hội chợ chào Xuân 2025” thành công. Sau hội chợ đã vận động được các lớp, cá nhân ủng hộ “Quỹ nhân ái” với số tiền **45.691.000 đồng**. Trong năm học trao tặng 1 sổ tiết kiệm trị giá 5.000.000 đồng cho em Đỗ Hữu Hoàng Phúc - lớp 2A; trao 28 bộ quần áo trị giá 500.000 đồng/em cùng 28 phần quà tết từ “Quỹ Nhân ái” cho 28 học sinh có hoàn cảnh khó khăn trong trường.

Trên đây là Báo cáo thường niên trong năm 2025 của Trường Tiểu học Đông Kết theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Nay nhà trường báo cáo công khai trên website nhà trường, bản tin nhà trường và trong cuộc họp VC-NLĐ nhà trường để các cấp quản lý, VC-NLĐ cha mẹ học sinh, học sinh nhà trường và nhân dân trên địa bàn được biết./.

Nơi nhận:

- CB, GV, NV (Để phối hợp);
- PHHS các lớp (Để thực hiện)
- Lưu: Hồ sơ công khai, VT.

HIỆU TRƯỞNG

Phan Thị Đào

